

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 191/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2023
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Nguyễn Văn Hồng;
 2. Ông Tô Ngọc Liêm.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 267/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 444/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ A, ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

Bị đơn: Ông Trương Thái N, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày, qua thời gian tự tìm hiểu, bà T và ông Trương Thái N kết hôn với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, vào ngày 02/5/2018. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống và ông N thiếu tôn trọng gia đình vợ. Bà T và ông N không còn sống chung từ tháng 6/2022 cho đến nay và không tới lui thăm nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông N; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là Giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 02/5/2018 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C cấp cho bà Phan Thị T và ông Trương Thái N (bản sao).

- Bị đơn ông Trương Thái N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, bà T không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà T và ông N tự nguyện kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông N hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, ông N thiếu tôn trọng gia đình vợ. Bà T và ông N không còn sống chung từ tháng 6/2022 cho đến nay. Trong thời gian không còn sống chung, bà T, ông N không tới lui thăm nhau, không liên lạc với nhau. Bà T xác định không còn tình cảm với ông N. Bà T, ông N không tạo điều kiện để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **T** đối với ông **N**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà **Phan Thị T** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Trương Thái N**. Đồng thời, ông **N** cư trú trên địa bàn **huyện C**. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông **Trương Thái N** đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **N** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà **T** và ông **N** tự nguyện kết hôn vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà **T** và ông **N** hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà **T** xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, ông **N** thiếu tôn trọng gia đình vợ. Bà **T**, ông **N** không còn sống chung từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà **T** và ông **N** thường xuyên cãi vã và không còn sống chung từ tháng 6 năm 2022. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông **N** nhưng ông **N** không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà **T**. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà **T**, ông **N** là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **T** đối với ông **N** theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà **T** xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung. Cho nên, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về nuôi dưỡng con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **T** xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà **T** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông **N** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Phan Thị T.**

1. Về hôn nhân: Bà **Phan Thị T** được ly hôn với ông **Trương Thái N.**

Giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 02/5/2018 do Ủy ban nhân dân xã **M, huyện C, tỉnh An Giang** cấp cho bà **Phan Thị T** và ông **Trương Thái N** không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà **Phan Thị T** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2022/0013525 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 25 tháng 4 năm 2023; bà **Phan Thị T** đã nộp đủ án phí.

Ông **Trương Thái N** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà **Phan Thị T** có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông **Trương Thái N** được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND xã M, huyện C, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình